Công ty Cổ phần Thép Nam Kim (NKG: HOSE)

Ngày báo cáo:	**26/12/2023**
NGÀNH:	**THÉP**
PGĐ PTCP:	**Đào Minh Châu, CFA**
Email:	chaudm@ssi.com.vn
SĐT:	+84-28 3636 3688 ext. 3052
Khuyến nghị:	**TRUNG LẬP**
Giá mục tiêu 1Y:	**24.500 Đồng**
Giá CP 25/12/2023:	24.100 Đồng
% Tăng giá:	**+1,7%**
Giá trị vốn hoá (triệu USD):	264
Giá trị vốn hoá (tỷ VND):	6.398
Số cổ phiếu lưu hành (triệu):	263
KLGD trung bình 3 tháng (cp):	10.246.285
Giá cao/thấp nhất 52T (1000 Đ):	24,3/11,6
GTGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng):	217,2
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%):	15,89
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%):	0

Biến động giá cổ phiếu

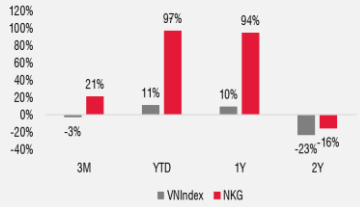

Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim (NKG: HOSE) là công ty thép có lĩnh vực kinh doanh tương tự như các công ty nổi tiếng trên thị trường chứng khoán, CTCP Tập đoàn Hoa Sen (HSG: HOSE). Công ty sản xuất các sản phẩm tương tự (tấm thép mạ kẽm, thép mạ kẽm nóng, ống thép), sử dụng các vật liệu tương tự (thép cuộn cán nóng), và dây chuyền sản xuất giống hệt nhau. Trong năm 2016, NKG nắm giữ 14,8% thị phần thép tấm, xếp ở vị trí thứ 2 sau HSG với 32,3% thị phần. Công ty cũng thuộc top 10 công ty sản xuất thép ống với 5,1% thị phần.

Giá HRC phục hồi gần đây sẽ hỗ trợ biên lợi nhuận trong các quý tới

Lợi nhuận ròng Q3/2023 của NKG đạt 24 tỷ đồng, cải thiện từ mức lỗ kỷ lục 419 tỷ đồng trong Q3/2022, nhưng giảm 81% so với quý trước do sản lượng tiêu thụ và giá thép trung bình đều giảm. Lũy kế 9T2023, tổng lợi nhuận ròng giảm 65,5% svck đạt 100 tỷ đồng, hoàn thành 25% kế hoạch năm 2023. Sản lượng tiêu thụ của NKG trong Q3/2023 đạt 208 nghìn tấn, tăng 18,9% so với mức đáy 3 năm trong Q3/2022, nhưng giảm 12,1% so với quý trước do xuất khẩu giảm 19,2% so với quý trước. Lũy kế từ đầu năm, sản lượng tiêu thụ trong 9T2023 giảm 7,9% đạt 638 nghìn tấn, trong đó sản lượng xuất khẩu và nội địa lần lượt giảm 6,1% và 10,3% svck. Biên lợi nhuận gộp cũng giảm xuống 4,8% từ mức 9% trong Q2/2023 do giá thép điều chỉnh, đặc biệt là tại các thị trường xuất khẩu.

Sản lượng xuất khẩu và biên lợi nhuận có thể phục hồi trong những quý tới nhờ giá thép phục hồi: Chúng tôi kỳ vọng sản lượng xuất khẩu sẽ phục hồi trong thời gian tới nhờ nhu cầu từ các thị trường phát triển. Giá HRC ở Mỹ và Châu Âu đã tăng lần lượt hơn 50% và 10% kể từ mức đáy trong khoảng tháng 9 đến tháng 10 năm 2023. Mặc dù chúng tôi không kỳ vọng giá sẽ tăng thêm đáng kể tại các thị trường này do nhu cầu thực tế vẫn chưa mạnh, nhưng chênh lệch giá tăng lên sẽ hỗ trợ xuất khẩu thép của Việt Nam trong những tháng tới. Trong tháng 10 và tháng 11, sản lượng tiêu thụ của NKG đạt 137 nghìn tấn, tăng 18% svck.

Chúng tôi điều chỉnh giảm 6,6% dự báo lợi nhuận ròng năm 2023 từ 195 tỷ đồng xuống 182 tỷ đồng, so với mức lỗ 17 tỷ đồng trong năm 2022. Chúng tôi dự kiến lợi nhuận ròng sẽ cải thiện trong Q4/2023 so với 24 tỷ đồng trong Q3/202023 (và so với mức lỗ 356 tỷ đồng trong Q4/2022).

Cho năm 2024, chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận ròng của công ty sẽ tăng 123% svck đạt 407 tỷ đồng. Sản lượng tiêu thụ dự kiến sẽ tăng 5,8% đạt 914 nghìn tấn nhờ cả kênh nội địa và xuất khẩu đều cải thiện. Kênh xuất khẩu sẽ cải thiện trong Q1/2024, phần lớn là do nhu cầu cải thiện ở các thị trường phát triển như đã đề cập ở trên, *đồng thời chúng tôi tin rằng kênh nội địa sẽ phục hồi từ mức thấp năm 2023.*

Chúng tôi duy trì khuyến nghị **TRUNG LẬP** với cổ phiếu NKG với giá mục tiêu 1 năm là **24.500 đồng/cổ phiếu** dựa trên PE và EV/EBITDA mục tiêu lần lượt là 16x và 8x. Khả năng phục hồi về sản lượng tiêu thụ và biên lợi nhuận sẽ hỗ trợ giá cổ phiếu trong thời gian tới. Tuy nhiên, do định giá hiện tại khá cao so với các cổ phiếu thép khác nên nhà đầu tư nên chờ các nhịp giá điều chỉnh giá để có mức sinh lời tốt hơn. Cổ phiếu NKG phù hợp hơn với nhà đầu tư ưa thích rủi ro do tính biến động của cả giá thép và biên lợi nhuận của công ty.

Tỷ đồng	3Q23	3Q22	YoY	2Q23	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận			
							3Q23	3Q22	2Q23	2022
Doanh thu thuần	4.262	4.424	-3,7%	5.500	-22,5%	71%				
Lợi nhuận gộp	205	-159	N.a	496	-58,7%		4,8%	-3,6%	9,0%	6,4%
Lợi nhuận hoạt động	90	-415	N.a	247	-63,7%		2,1%	-9,4%	4,5%	0,7%
EBIT	90	-416	N.a	247	-63,6%		2,1%	-9,4%	4,5%	0,7%
EBITDA	183	-321	N.a	340	-46,0%		4,3%	-7,3%	6,2%	2,3%
Lợi nhuận trước thuế	30	-476	N.a	167	-82,1%		0,7%	-10,8%	3,0%	-0,5%
Lợi nhuận ròng	24	-419	N.a	125	-81,1%	25%	0,6%	-9,5%	2,3%	-0,5%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	24	-419	N.a	125	-81,1%		0,6%	-9,5%	2,3%	-0,5%

Nguồn: NKG, SSI Research

Lợi nhuận ròng Q3/2023 của NKG đạt 24 tỷ đồng, cải thiện từ mức lỗ kỷ lục 419 tỷ đồng trong Q3/2022, nhưng giảm 81% so với quý trước do sản lượng tiêu thụ và giá thép trung bình đều giảm. Lũy kế 9T2023, tổng lợi nhuận ròng giảm 65,5% svck đạt 100 tỷ đồng, hoàn thành 25% kế hoạch năm 2023.

Xuất khẩu giảm kéo sản lượng tiêu thụ chậm lại: Sản lượng tiêu thụ của NKG trong Q3/2023 đạt 208 nghìn tấn, tăng 18,9% so với mức đáy 3 năm trong Q3/2022, nhưng giảm 12,1% so với quý trước, cao hơn mức giảm nhẹ 0,6% của toàn ngành. Sản lượng của NKG giảm chủ yếu do sản lượng xuất khẩu giảm 19,2% so với quý trước bởi lực cầu từ một số thị trường phát triển suy yếu. So với các công ty khác, NKG phụ thuộc nhiều hơn vào kênh xuất khẩu khi sản lượng tiêu thụ 9T2023 chiếm khoảng 60% tổng sản lượng tiêu thụ của cả công ty, so với mức 45% tại HSG và 40% của toàn thị trường.

Sản lượng tiêu thụ trong 9T2023 giảm 7,9% đạt 638 nghìn tấn, trong đó sản lượng xuất khẩu và nội địa lần lượt giảm 6,1% và 10,3% svck.

Biểu đồ 1: Sản lượng tiêu thụ theo quý của NKG

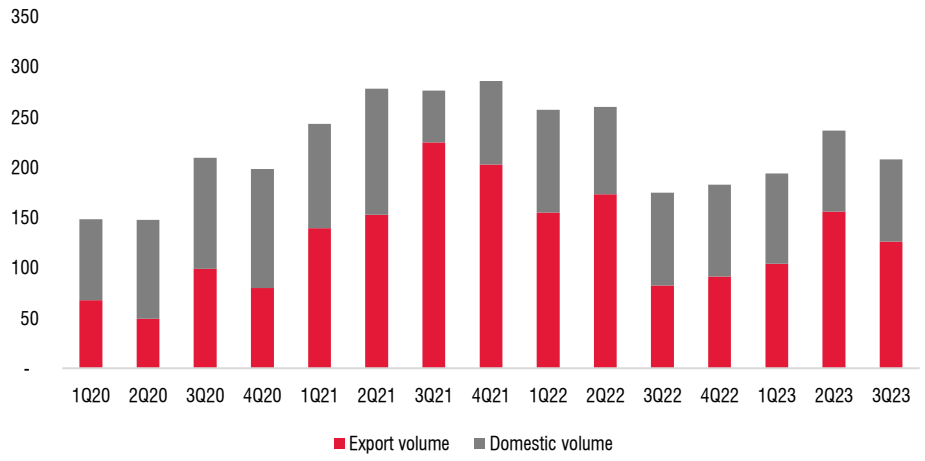

Nguồn: NKG, SSI Research

Biên lợi nhuận gộp giảm do giá thép điều chỉnh: Biên lợi nhuận gộp trong Q3/2023 đạt 4,8%, cải thiện so với mức -3,6% trong Q3/2022, nhưng thấp hơn nhiều so với biên lợi nhuận 9% trong quý trước, do giá bán trung bình giảm 12% so với quý trước đạt 20,5 triệu đồng/tấn, mức thấp nhất kể từ Q2/2021, trong khi chi phí sản xuất trung bình trên mỗi tấn sản phẩm giảm 8% so với quý trước. Điều này có thể là do giá thép tại các thị trường phát triển (chiếm khoảng 80% sản lượng xuất khẩu của NKG) giảm nhanh hơn so với mức giảm giá ở thị trường châu Á.

Biểu đồ 2: Giá bán bình quân theo quý của NKG và biên lợi nhuận gộp

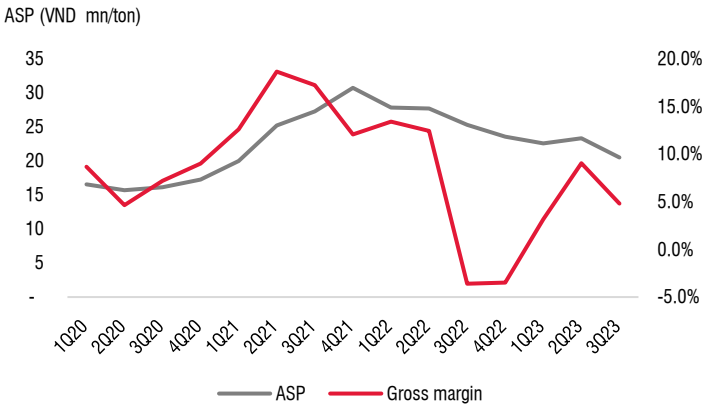

Nguồn: NKG, SSI Research

Biểu đồ 3: Giá HRC (USD/tấn)

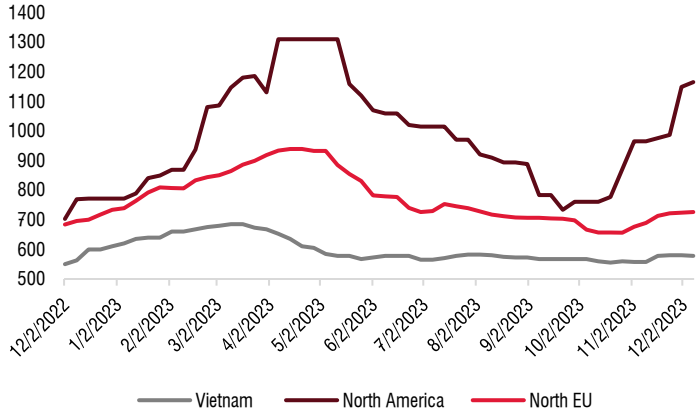

Nguồn: Bloomberg

Triển vọng

Sản lượng xuất khẩu và biên lợi nhuận có thể phục hồi trong những quý tới nhờ giá thép phục hồi: Chúng tôi kỳ vọng sản lượng xuất khẩu sẽ phục hồi trong thời gian tới nhờ nhu cầu từ các thị trường phát triển. Giá HRC tại Mỹ và Châu Âu đã tăng lần lượt trên 50% và 10% kể từ mức đáy trong khoảng từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2023. Khoảng cách về giá tại các thị trường phát triển, đặc biệt là tại thị trường Bắc Mỹ, đã tăng trở lại trong hai tháng qua, do nguồn cung hạn chế do thời gian giao hàng kéo dài, giá nguyên liệu đầu vào tăng, hoạt động dự trữ hàng và tăng thuế của Châu Âu đối với thép xuất xứ từ Nga. Mặc dù chúng tôi không kỳ vọng giá sẽ tăng thêm tại các thị trường này do nhu cầu thực tế vẫn chưa mạnh, nhưng chênh lệch giá gia tăng sẽ hỗ trợ xuất khẩu thép của Việt Nam trong những tháng tới. Trong tháng 10 và tháng 11, sản lượng bán hàng của NKG đạt 137 nghìn tấn, tăng 18% svck.

Ước tính lợi nhuận

Chúng tôi điều chỉnh giảm 6,6% dự báo lợi nhuận ròng năm 2023 từ 195 tỷ đồng xuống 182 tỷ đồng, so với mức lỗ 17 tỷ đồng trong năm 2022. Chúng tôi dự kiến lợi nhuận ròng sẽ cải thiện trong Q4/2023 so với 24 tỷ đồng trong Q3/202023 (và so với mức lỗ 356 tỷ đồng trong Q4/2022). Chúng tôi ước tính tổng sản lượng tiêu thụ của NKG giảm 1,3% svck đạt 864 nghìn tấn trong năm 2023, trong đó, sản lượng tiêu thụ nội địa giảm 9% svck đạt 340 nghìn tấn, còn sản lượng xuất khẩu tăng 4,5% svck đạt 525 nghìn tấn. Giá bán bình quân trong năm 2023 giả định giảm 17% so với mức giảm 19% của giá HRC.

Cho năm 2024, chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận ròng của công ty sẽ tăng 123% svck đạt 407 tỷ đồng. Sản lượng tiêu thụ dự kiến sẽ tăng 5,8% đạt 914 nghìn tấn nhờ cả kênh nội địa và xuất khẩu đều cải thiện. Kênh xuất khẩu sẽ cải thiện trong Q1/2024, phần lớn là do nhu cầu cải thiện ở các thị trường phát triển như đã đề cập ở trên, *đồng thời chúng tôi tin rằng kênh nội địa sẽ phục hồi sau sự sụt giảm trong nhiều năm.* Chúng tôi giả định biên lợi nhuận gộp sẽ phục hồi lên mức bình quân 5 năm là 7,5% trong năm 2024 so với mức 6% trong năm 2023, giá đầu vào HRC thấp hơn 2% còn giá bán bình quân đi ngang.

Định giá và luận điểm đầu tư

Chúng tôi duy trì khuyến nghị **TRUNG LẬP** với cổ phiếu NKG với giá mục tiêu 1 năm là **24.500 đồng/cổ phiếu** dựa trên PE và EV/EBITDA mục tiêu lần lượt là 16x và 8x. Khả năng phục hồi về sản lượng tiêu thụ và biên lợi nhuận sẽ hỗ trợ giá cổ phiếu trong thời gian tới. Tuy nhiên, do định giá hiện tại khá cao so với các cổ phiếu thép khác nên nhà đầu tư nên chờ các nhịp giá điều chỉnh giá để có mức sinh lời tốt hơn. Cổ phiếu NKG phù hợp hơn với nhà đầu tư ưa thích rủi ro do tính biến động của cả giá thép và biên lợi nhuận của công ty.

Biểu đồ 4: Giá cổ phiếu NKG và giá HRC

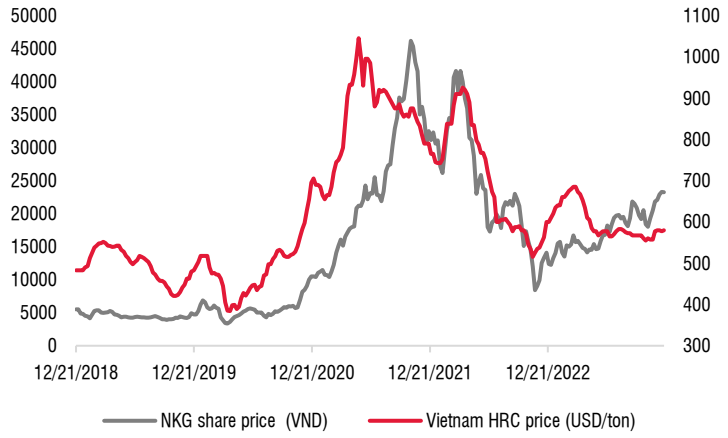

Nguồn: Bloomberg

Lịch sử khuyến nghị

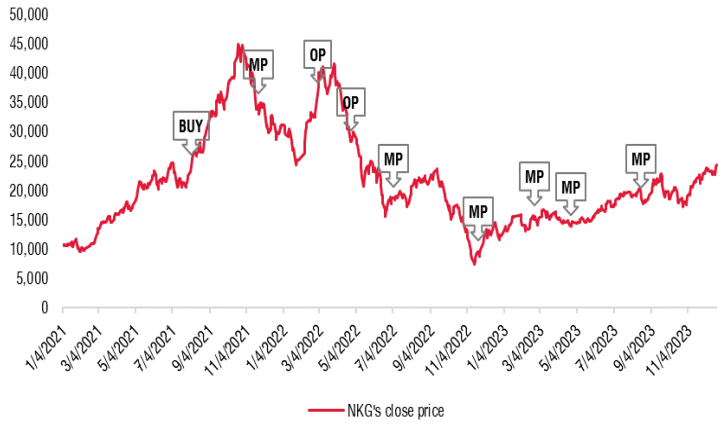

Nguồn: SSI Research; Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2021	2022	2023F	2024F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	751	1.005	707	1.388
+ Đầu tư ngắn hạn	448	252	252	252
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	1.902	1.517	1.916	1.947
+ Hàng tồn kho	8.281	7.000	5.999	6.247
+ Tài sản ngắn hạn khác	833	641	675	714
Tổng tài sản ngắn hạn	**12.216**	**10.415**	**9.549**	**10.548**
+ Các khoản phải thu dài hạn	0	2	0	0
+ GTCL Tài sản cố định	2.771	2.588	2.275	1.953
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	176	220	220	220
+ Đầu tư dài hạn	8	8	0	0
+ Tài sản dài hạn khác	227	227	231	241
Tổng tài sản dài hạn	**3.182**	**3.046**	**2.726**	**2.414**
Tổng tài sản	**15.398**	**13.461**	**12.275**	**12.962**
+ Nợ ngắn hạn	9.598	8.109	6.747	7.025
Trong đó: vay ngắn hạn	*3.773*	*5.111*	*4.450*	*4.634*
+ Nợ dài hạn	77	32	27	28
Trong đó: vay dài hạn	*46*	*3*	*0*	*0*
Tổng nợ phải trả	**9.675**	**8.141**	**6.773**	**7.053**
+ Vốn góp	2.184	2.633	2.633	2.633
+ Thặng dư vốn cổ phần	786	786	786	786
+ Lợi nhuận chưa phân phối	2.636	1.628	1.810	2.217
+ Quỹ khác	117	273	273	273
Vốn chủ sở hữu	**5.723**	**5.320**	**5.502**	**5.909**
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	**15.398**	**13.461**	**12.275**	**12.962**
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	-308	-828	458	597
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-309	33	-92	-100
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	1.150	1.049	-664	184
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**533**	**254**	**-298**	**681**
Tiền đầu kỳ	219	751	1.005	707
Tiền cuối kỳ	**751**	**1.005**	**707**	**1.388**
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,27	1,28	1,42	1,5
Hệ số thanh toán nhanh	0,32	0,34	0,43	0,51
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,12	0,16	0,14	0,23
Nợ ròng / EBITDA	0,92	6,73	4,23	3,03
Khả năng thanh toán lãi vay	11,51	0,59	1,65	2,63
Ngày phải thu	17,6	20,2	23	24,1
Ngày phải trả	45,4	62,8	44,3	35,8
Ngày tồn kho	81,3	129,2	133,3	120,6
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,37	0,4	0,45	0,46
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,63	0,6	0,55	0,54
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,69	1,53	1,23	1,19
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,67	0,96	0,81	0,78
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,66	0,96	0,81	0,78

Tỷ đồng	2021	2022	2023F	2024F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	**28.173**	**23.071**	**18.936**	**20.034**
Giá vốn hàng bán	-23.904	-21.590	-17.801	-18.537
Lợi nhuận gộp	**4.270**	**1.481**	**1.135**	**1.497**
Doanh thu hoạt động tài chính	199	303	295	181
Chi phí tài chính	-397	-503	-490	-445
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-1.398	-1.202	-587	-621
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-123	-186	-151	-160
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**2.551**	**-107**	**202**	**452**
Thu nhập khác	11	0	0	0
Lợi nhuận trước thuế	2.562	-107	202	452
Lợi nhuận ròng	**2.225**	**-125**	**182**	**407**
Lợi nhuận chia cho cổ đông	**2.225**	**-125**	**182**	**407**
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0
EPS cơ bản (VND)	10.189	-474	692	1.545
Giá trị sổ sách (VND)	26.205	20.205	20.898	22.443
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	1.000	0	0	0
EBIT	2.806	156	514	730
EBITDA	3.185	533	928	1.152
Tăng trưởng				
Doanh thu	143,7%	-18,1%	-17,9%	5,8%
EBITDA	246,4%	-83,3%	73,9%	24,1%
EBIT	416,7%	-94,5%	230,4%	42,0%
Lợi nhuận ròng	653,6%	-105,6%	-246,2%	123,2%
Vốn chủ sở hữu	79,9%	-7,1%	3,4%	7,4%
Vốn điều lệ	20,0%	20,5%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	98,3%	-12,6%	-8,8%	5,6%
Định giá				
P/E	3,8	-25,9	34,8	15,6
P/B	1,5	0,6	1,2	1,1
Giá/Doanh thu	0,3	0,1	0,3	0,3
Tỷ suất cổ tức	2,6%	0,0%	0,0%	0,0%
EV/EBITDA	3,5	13,3	10,6	8,5
EV/Doanh thu	0,4	0,3	0,5	0,5
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	15,2%	6,4%	6,0%	7,5%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	9,9%	0,7%	2,6%	3,5%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	7,9%	-0,5%	1,0%	2,0%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	5,0%	5,2%	3,1%	3,1%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	0,4%	0,8%	0,8%	0,8%
ROE	50,0%	-2,3%	3,4%	7,1%
ROA	19,2%	-0,9%	1,4%	3,2%
ROIC	31,0%	1,8%	4,5%	6,4%

Nguồn: NKG, SSI ước tính

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kì lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lôi kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Tài liệu này chỉ được lưu hành nội bộ và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương
Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư
phuonghv@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Vĩ mô

Phạm Lưu Hưng
Kinh tế trưởng
hungpl@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Thái Thị Việt Trinh
Chuyên viên phân tích Vĩ mô
trinhttv@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

Phân tích Định lượng

Lê Huyền Trang
Chuyên viên cao cấp Phân tích dữ liệu
tranglh1@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8710

Nguyễn Bùi Minh Châu
Chuyên viên Phân tích dữ liệu
chaunbm@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8706

Phân tích Ngành Thép

Đào Minh Châu, CFA
Phó Giám đốc Phân tích Cổ phiếu
chaudm@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3052

Dữ liệu

Lương Thị Việt
Chuyên viên cao cấp hỗ trợ
vietlt@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8714

Nguyễn Thị Kim Tân
Chuyên viên hỗ trợ
tanntk@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715

Nguyễn Thị Anh Thư
Chuyên viên hỗ trợ
thunta2@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8702

Chiến lược thị trường

Nguyễn Lý Thu Ngà
Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư
nganlt@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

Nguyễn Quốc Bảo
Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư
baonq1@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3059

Hồ Hữu Tuấn Hiếu, CFA
Chuyên gia Chiến lược đầu tư
hieuhht1@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8704

Trần Thị Bảo Châu
Chuyên viên Chiến lược đầu tư
chauttb@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3043